

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung  
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ  
áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 129/TTr-SKH-CN ngày 24/10/2019.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các quyết định sau:

- Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 20/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Sở hữu trí tuệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kiên Giang;



- Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 16/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - Văn phòng Chính phủ;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP, Trung tâm PVHCC;
- Công Dịch vụ công tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: VT, phmanh.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thanh Bình



**PHẠM MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA  
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

*Quyết định số 684 /QĐ-UBND, ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Thủ tục chú ý
<b>I. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>						
1.	Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ: Gửi thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có)</li> <li>- 15 ngày làm việc: Đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá</li> <li>- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá của hội đồng: Công nhận kết quả.</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017</li> <li>- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.</li> </ul>	
2.	Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ: Gửi thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có)</li> <li>- 15 ngày làm việc: Đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá</li> <li>- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả của hội đồng: Phê duyệt kết quả để xem xét hỗ trợ kinh phí, mua</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017</li> <li>- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.</li> </ul>	



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chú
3.	Mua sáng chế, sáng kiến.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ: Gửi thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có)</li> <li>- 15 ngày làm việc: Đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá.</li> <li>- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả của hội đồng: Phê duyệt sáng chế, sáng kiến để xem xét mua</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017</li> <li>- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.</li> </ul>	
4.	Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả của hội đồng: Phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&amp;CN được hỗ trợ.</li> <li>- 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt danh mục: Công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Sở KH&amp;CN.</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật KH&amp;CN năm 2013</li> <li>- Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017</li> <li>- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;</li> <li>- Thông tư số 07/2014/TT-BKH&amp;CN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&amp;CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2017/TT-BKH&amp;CN ngày 03/4/2017 của Bộ KH&amp;CN</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chỉ tiêu
5.	Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả của hội đồng: Phê duyệt nhiệm vụ KH&amp;CN được hỗ trợ</li> <li>- 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ KH&amp;CN được hỗ trợ: Công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Sở KH&amp;CN.</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật KH&amp;CN năm 2013</li> <li>- Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017</li> <li>- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;</li> <li>- Thông tư số 07/2014/TT-BKH&amp;CN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&amp;CN cấp quốc gia sử dụng NSNN, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2017/TT-BKH&amp;CN ngày 03/4/2017 của Bộ KH&amp;CN</li> </ul>	
6.	Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả của hội đồng: Phê duyệt nhiệm vụ KH&amp;CN được hỗ trợ.</li> <li>- 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ KH&amp;CN được hỗ trợ: Công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Sở KH&amp;CN.</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật KH&amp;CN 2013</li> <li>- Luật Chuyển giao công nghệ 2017</li> <li>- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;</li> <li>- Thông tư số 07/2014/TT-BKH&amp;CN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&amp;CN cấp quốc gia sử dụng NSNN, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2017/TT-BKH&amp;CN ngày 03/4/2017 của Bộ KH&amp;CN</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chú thích
7.	Hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả của hội đồng: Phê duyệt nhiệm vụ KH&amp;CN được hỗ trợ.</li> <li>- 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ KH&amp;CN được hỗ trợ: Công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Sở KH&amp;CN.</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật KH&amp;CN năm 2013</li> <li>- Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017</li> <li>- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;</li> <li>- Thông tư số 07/2014/TT-BKH&amp;CN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&amp;CN cấp quốc gia sử dụng NSNN, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2017/TT-BKH&amp;CN ngày 03/4/2017 của Bộ KH&amp;CN.</li> <li>- Thông tư số 33/2014/TT-BKH&amp;CN ngày 06/11/2014 của Bộ trưởng KH&amp;CN ban hành quy chế quản lý nhiệm vụ KH&amp;CN cấp Bộ của Bộ KH&amp;CN.</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
8.	Xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; Có văn bản trả lời</li> <li>- Trường hợp cần thiết, tham mưu UBND tỉnh tổ chức hội đồng thẩm tra hồ sơ. Thời gian thẩm tra và trả lời không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016;</li> <li>- Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.</li> <li>- Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg ngày 31/7/2018 của TTCP quy định trình tự, thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&amp;CN, đổi mới công nghệ; phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư.</li> <li>- Thông tư số 14/2017/TT-BKHCN ngày 01/12/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định tiêu chí xác định phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng và danh mục tài liệu, sách báo, tạp chí khoa học quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.</li> </ul>	



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chi phí
9.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đăng ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;</li> <li>- Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ.</li> </ul>	
10.	Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá 05 (năm) triệu đồng và tối thiểu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BKH&amp;CN ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao</li> </ul>	



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chỉ tiêu
				không dưới 03 (ba) triệu đồng.	công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ.	
11.	Xem xét kéo dài thời gian công tác khi đủ tuổi nghỉ hưu cho cá nhân giữ chức danh khoa học, chức danh công nghệ tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập.	Quyết định kéo dài thời gian công tác được gửi cho tổ chức, cá nhân có liên quan biết trước thời điểm nghỉ hưu ít nhất 06 tháng.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; - Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN.	
12.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	3.000.000 đồng.	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013. - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN hướng dẫn điều kiện thành	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chú thích
					<p>lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&amp;CN, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&amp;CN.</p> <p>- Thông tư 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ</p>	
13.	Cấp giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	3.000.000 đồng.	<p>- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013.</p> <p>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;</p> <p>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&amp;CN, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&amp;CN.</p> <p>- Thông tư 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
14.	Xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (hạng II)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 20 ngày làm việc sau khi có kết quả của Hội: Thẩm định quá trình xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm.</li> <li>- 15 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định: Chủ tịch UBND cấp tỉnh ra quyết định công nhận kết quả và gửi Bộ KH&amp;CN đề nghị có ý kiến.</li> <li>- 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của UBND tỉnh: Bộ KH&amp;CN xem xét, có ý kiến trả lời.</li> <li>- 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thống nhất của Bộ KH&amp;CN: Chủ tịch UBND cấp tỉnh ra quyết định xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm.</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&amp;CN.</li> <li>- Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHCN-BNV-BTC ngày 06/11/2015 của liên Bộ KH&amp;CN, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&amp;CN.</li> </ul>	
15.	Xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên (hạng IV), nghiên cứu viên, kỹ sư (hạng III).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 20 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xét chọn của Hội đồng: Xem xét, quyết định công nhận kết quả</li> <li>- 20 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả: Ra quyết định tuyển dụng đặc cách viên chức</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;</li> <li>- Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&amp;CN</li> <li>- Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHCN-BNV-BTC ngày 06/11/2015 của liên Bộ</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					KH&CN, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN	
16.	Xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác.	20 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả của Hội đồng: cơ quan có thẩm quyền thông báo kết quả.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&amp;CN.</li> <li>- Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHCN-BNV-BTC ngày 06/11/2015 của liên Bộ KH&amp;CN, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&amp;CN.</li> </ul>	
17.	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách Nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013.</li> <li>- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin KH&amp;CN.</li> <li>- Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&amp;CN.</li> </ul>	



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chi chú
	công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.					
18.	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách Nhà nước.	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013.</li> <li>- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin KH&amp;CN.</li> <li>- Thông tư số 14/2014/TT-BKH&amp;CN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&amp;CN</li> </ul>	
19.	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013.</li> <li>- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin KH&amp;CN</li> <li>- Thông tư số 14/2014/TT-BKH&amp;CN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&amp;CN</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
20.	Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Trường hợp cần mời chuyên gia hoặc thành lập hội đồng tư vấn thẩm định, đánh giá, thời hạn cấp GCN không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN.	
21.	Cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Trường hợp bổ sung sản phẩm hình thành từ kết quả KH&amp;CN, thời hạn cấp thay đổi nội dung GCN không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN.	
22.	Đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp đặc cách cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</li> <li>- Trường hợp không phải là đặc cách cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ: 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Mức chi áp dụng theo quy định hiện hành đối với các nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013.</li> <li>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&amp;CN</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BKH&amp;CN ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ KH&amp;CN quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ không sử dụng NSNN.</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
23.	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách Nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.	45 ngày làm việc làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định hiện hành	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&amp;CN</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BKH&amp;CN ngày 06/3/2015 của Bộ KH&amp;CN quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ không sử dụng NSNN</li> </ul>	
24.	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách Nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.	45 ngày làm việc làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định hiện hành	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&amp;CN</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BKH&amp;CN ngày 06/3/2015 của Bộ KH&amp;CN quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ không sử dụng NSNN.</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chi phí
25.	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Trong 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ: Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giám định tư pháp năm 2012.</li> <li>- Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 35/2014/TT-BKHCN ngày 11/12/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định về giám định tư pháp trong hoạt động KH&amp;CN.</li> </ul>	
26.	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ: Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định miễn nhiệm	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giám định tư pháp năm 2012.</li> <li>- Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 35/2014/TT-BKHCN ngày 11/12/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định về giám định tư pháp trong hoạt động KH&amp;CN.</li> </ul>	
27.	Đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005, 2013.</li> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013.</li> <li>- Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30/7/2014 của Chính phủ về Giải</li> </ul>	



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chú
					thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về KH&CN. - Thông tư số 31/2014/TT-BKHCN ngày 06/11/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định một số điều của Nghị định số 78/2014/NĐ-CP	
28.	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật KH&CN ngày 18/6/2013. - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&CN - Thông tư số 15/2014/TT-BKHCN ngày 13/6/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng NSNN - Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BKHCN-BTC ngày 17/12/2014 của liên Bộ KH&CN và Bộ Tài chính quy định việc định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ sử dụng NSNN.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chú thích
29.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013</li> <li>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&amp;CN</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&amp;CN, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&amp;CN</li> <li>- Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về KH&amp;CN</li> </ul>	
30.	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay đổi tên của tổ chức KH&amp;CN: 1.000.000 đồng.</li> <li>- Thay đổi tên cơ quan quyết định thành lập hoặc cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức KH&amp;CN: 1.000.000 đồng.</li> <li>- Thay đổi địa chỉ trụ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013.</li> <li>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&amp;CN</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chi phí
				<p>sở chính của tổ chức KH&amp;CN: 1.500.000 đồng.</p> <p>- Thay đổi vốn của tổ chức KH&amp;CN: 1.500.000 đồng.</p> <p>- Thay đổi người đứng đầu của tổ chức KH&amp;CN: 1.000.000 đồng.</p> <p>- Thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động KH&amp;CN của tổ chức KH&amp;CN: 2.000.000 đồng.</p>	<p>KH&amp;CN, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&amp;CN</p> <p>- Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về KH&amp;CN</p>	
31.	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&CN	10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng.	<p>- Luật KH&amp;CN ngày 18/6/2013.</p> <p>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&amp;CN</p> <p>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&amp;CN, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&amp;CN</p> <p>- Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về KH&CN	
32.	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay đổi tên văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.000.000 đồng.</li> <li>- Thay đổi địa chỉ trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.500.000 đồng.</li> <li>- Thay đổi người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.000.000 đồng.</li> <li>- Thay đổi thông tin của tổ chức KHCN ghi trên giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.000.000 đồng.</li> <li>- Thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động KH&amp;CN của văn phòng đại diện, chi nhánh: 2.000.000</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật KH&amp;CN ngày 18/6/2013.</li> <li>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&amp;CN.</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&amp;CN, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&amp;CN.</li> <li>- Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về KHCN.</li> </ul>	



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				đồng.		
33.	Đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ trong thời hạn 07 ngày làm việc: Sở KH&amp;CN kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ.</li> <li>- 15 ngày kể từ ngày nhận được thuyết minh đã hoàn thiện: UBND tỉnh phê duyệt tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&amp;CN cấp quốc gia.</li> <li>- 05 ngày làm việc kể từ khi ký quyết định phê duyệt: UBND tỉnh công khai kết quả và đăng tải tối thiểu 60 ngày trên cổng thông tin điện tử của địa phương.</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;</li> <li>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&amp;CN;</li> <li>- Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng KH&amp;CN quy định việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&amp;CN cấp quốc gia sử dụng NSNN.</li> </ul>	
<b>II. LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN.</b>						
1.	Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí thẩm định + Thiết bị X-quang chụp răng: 2.000.000 đồng/1 thiết bị.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008.</li> <li>- Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/7/2010 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN hướng dẫn về việc khai báo, cấp giấy phép tiến hành công việc bức</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chi chú
				+ Thiết bị X-quang chụp vú: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Thiết bị X-quang di động: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Thiết bị X-quang chẩn đoán thông thường: 3.000.000 đồng/1 thiết bị. + Thiết bị đo mật độ xương: 3.000.000 đồng/1 thiết bị. + Thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình: 5.000.000 đồng/1 thiết bị. + Thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính: 8.000.000 đồng/1 thiết bị. + Hệ thiết bị PET/CT: 16.00.000 đồng/1 thiết bị.	xạ và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	
2.	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính	Phí thẩm định an toàn là 75% mức thu phí thẩm định cấp giấy	- Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)		công	phép mới.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/7/2010 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN hướng dẫn về việc khai báo, cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ.</li> <li>- Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.</li> </ul>	
3.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008.</li> <li>- Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/7/2010 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN hướng dẫn về việc khai báo, cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ.</li> <li>- Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.</li> </ul>	
4.	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008.</li> <li>- Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/7/2010 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN hướng dẫn về việc khai báo,</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	trong y tế)				cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	
5.	Cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	200.000 đồng	-Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008. -Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/7/2010 của Bộ trưởng Bộ KH&CN hướng dẫn về việc khai báo, cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ. -Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	
6.	Phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp cơ sở (đối với công việc sử dụng thiết bị X-quang y tế)	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí thẩm định: 500.000 đồng/Kế hoạch	- Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008. -Thông tư số 25/2014/TT-BKHCN ngày 08/10/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định việc chuẩn bị ứng phó và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân.	



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chú thích
					- Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/7/2010 của Bộ trưởng Bộ KH&CN hướng dẫn về việc khai báo, cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	
7.	Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ khai báo.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008. - Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/7/2010 của Bộ trưởng Bộ KH&CN hướng dẫn về việc khai báo, cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ.	
<b>III. LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ</b>						
1.	Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý).	- 15 ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản mở hồ sơ: Trình Chủ tịch UBND tỉnh thành lập tổ chức họp hội đồng tư vấn - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã được hiệu chỉnh: Trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh thành lập và tổ chức họp	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chỉ chú
		<p>Tổ thẩm định dự toán kinh phí dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã được hoàn thiện: Trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả</li> <li>- 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt: Công bố kết quả</li> </ul>			<p>14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định về quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020</li> <li>- Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&amp;CN cấp quốc gia sử dụng NSNN.</li> </ul>	
2.	<p>Đề nghị thay đổi, điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý).</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp thay đổi thời gian thực hiện dự án: Trong thời hạn 15 ngày</li> <li>- Các thay đổi, điều chỉnh khác: Trong thời hạn 30 ngày</li> </ul>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công</p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;</li> <li>- Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020;</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chỉ tiêu
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định về quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020</li> <li>- Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định về quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020.</li> </ul>	
3.	<p>Đề nghị chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý).</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 07 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ hợp lệ: Thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ;</li> <li>- Sau khi tổ chức kiểm tra, đánh giá hồ sơ và hiện trường: Xem xét, ban hành Quyết định chấm dứt</li> </ul> <p>Trường hợp cần thiết phải tổ chức lấy ý kiến tư vấn của các nhà khoa học, chuyên gia quản lý.</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công</p>	<p>Không</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;</li> <li>- Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020;</li> <li>- Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định về quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chỉ tiêu
4.	Đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ: Thông báo cho tổ chức chủ trì tính hợp lệ của hồ sơ;</li> <li>- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo: Tổ chức chủ trì dự án bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ</li> <li>- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ: Thành lập hội đồng</li> <li>- 30 ngày kể từ ngày có Quyết định thành lập hội đồng: Tổ chức họp hội đồng.</li> <li>- 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ các tài liệu công nhận kết quả thực hiện: Trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định công nhận.</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;</li> <li>- Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020;</li> <li>- Thông tư số 11/2014/TT-BKH&amp;CN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&amp;CN cấp quốc gia sử dụng NSNN.</li> <li>- Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH&amp;CN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ KH&amp;CN sử dụng NSNN;</li> <li>- Thông tư số 17/2017/TT-BKH&amp;CN ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định về quản lý Chương</li> </ul>	



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chú
					trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020	
5.	Cấp giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp.	01 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	250.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ.</li> <li>- Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.</li> <li>- Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP</li> <li>- Thông tư số 01/2008/TT-BKHCN ngày 25/02/2008 của Bộ KH&amp;CN hướng dẫn việc cấp, thu hồi thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp và giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp.</li> <li>- Thông tư số 04/2009/TT-BKHCN ngày 27/3/2009 của Bộ KH&amp;CN sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2008/TT-BKHCN.</li> <li>- Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011 của Bộ KH&amp;CN sửa đổi, bổ sung một số quy định của</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN và Thông tư số 01/2008/TT-BKHCN, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 04/2009/TT-BKHCN.</p> <p>- Thông tư số 04/2012/TT-BKHCN ngày 13/02/2012 của Bộ KH&amp;CN về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 01/2008/TT-BKHCN, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 04/2009/TT-BKHCN và Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN.</p> <p>- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp.</p>	
6.	Cấp lại giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp.	15 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	250.000 đồng	<p>- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ, năm 2009.</p> <p>- Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP</li> <li>- Thông tư số 01/2008/TT-BKH&amp;CN ngày 25/02/2008 của Bộ KH&amp;CN hướng dẫn việc cấp, thu hồi thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp và giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp.</li> <li>- Thông tư số 04/2009/TT-BKH&amp;CN ngày 27/3/2009 của Bộ KH&amp;CN sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2008/TT-BKH&amp;CN.</li> <li>- Thông tư số 18/2011/TT-BKH&amp;CN ngày 22/7/2011 của Bộ KH&amp;CN sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 01/2007/TT-BKH&amp;CN, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKH&amp;CN và Thông tư số 01/2008/TT-BKH&amp;CN, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 04/2009/TT-BKH&amp;CN.</li> <li>- Thông tư số 04/2012/TT-BKH&amp;CN ngày 13/02/2012 của Bộ KH&amp;CN về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 01/2008/TT-BKH&amp;CN, được sửa đổi, bổ sung theo</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Thông tư số 04/2009/TT-BKHCN ngày 27/3/2009 và Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp.	
<b>IV. LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG</b>						
1.	Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ: Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.</li> <li>- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ: Đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp và ký biên bản đánh giá thực tế.</li> <li>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục: Tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định chỉ định.</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007.</li> <li>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;</li> <li>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP</li> <li>- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ KH&amp;CN và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.</li> </ul>	



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2.	Thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ: Yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).</li> <li>- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ: Đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp và ký biên bản đánh giá thực tế.</li> <li>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục: Tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định chỉ định.</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/ 2007.</li> <li>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;</li> <li>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP</li> <li>- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ KH&amp;CN và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.</li> </ul>	
3.	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/ 2007.</li> <li>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;</li> <li>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP.</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chi chú
4.	Đăng ký tham dự sơ tuyển, xét tặng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia	Hàng năm	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/ 2007.</li> <li>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;</li> <li>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP</li> </ul>	
5.	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ: Thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có).</li> <li>Sau thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ không được bổ sung đầy đủ thì có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.</li> <li>- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ: Tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:</li> <li>+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ</li> <li>+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không hợp lệ: Thông báo</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	150.000 đồng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007.</li> <li>- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006.</li> <li>- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.</li> <li>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</li> <li>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chí chú
		bằng văn bản về lý do không tiếp nhận hồ sơ.			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP</li> <li>- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.</li> <li>- Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy</li> <li>- Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN</li> </ul>	
6.	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ: Thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có).</li> <li>Sau thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ không được bổ sung đầy đủ thì có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	150.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007.</li> <li>- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006.</li> <li>- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ: Tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không hợp lệ: Thông báo bằng văn bản về lý do không tiếp nhận hồ sơ.</p>			<p>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</p> <p>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP</p> <p>- Nghị định 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP</p> <p>- Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy</p> <p>- Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN</p>	



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chí chú
7.	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	<p>- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ: Thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có).</p> <p>Sau thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ không được bổ sung đầy đủ thì có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.</p> <p>- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ: Tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không hợp lệ: Thông báo bằng văn bản về lý do không tiếp nhận hồ sơ.</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	150.000 đồng	<p>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007.</p> <p>- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006.</p> <p>- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</p> <p>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP</p> <p>- Nghị định 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP</p> <p>- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chi chú
					08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy  - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN	
8.	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	<p>- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ: Thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có).</p> <p>Sau thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ không được bổ sung đầy đủ thì có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.</p> <p>- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ: Tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không hợp lệ: Thông báo bằng văn bản về lý do không tiếp nhận hồ sơ.</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	150.000 đồng	<p>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007.</p> <p>- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006.</p> <p>- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</p> <p>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP</p> <p>- Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chỉ chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.</li> <li>- Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy</li> <li>- Thông tư số 02/2017/TT-BKHCHN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN</li> </ul>	
9.	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	Xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số ngày 21/11/ 2007.</li> <li>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;</li> <li>- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.</li> <li>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chi chú
					số 132/2008/NĐ-CP - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ KH&CN và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.	
10.	Công bố sử dụng dấu định lượng.	- 03 ngày làm việc: Kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ; - 30 ngày: Bổ sung hồ sơ - 05 ngày làm việc: Giải quyết sau khi hồ sơ hợp lệ, đầy đủ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Đo lường năm 2011. - Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường; - Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa; - Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn.	
11.	Điều chỉnh nội dung của bản công bố sử dụng dấu định lượng	- 03 ngày làm việc: Kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ; - 30 ngày: Bổ sung hồ sơ - 30 ngày: Hủy bỏ xử lý hồ sơ sau khi tổ chức không bổ sung	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Đo lường năm 2011. - Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường; - Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày	



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chi phí
		hồ sơ đầy đủ theo quy định - 05 ngày làm việc: Giải quyết sau khi hồ sơ hợp lệ, đầy đủ			30/8/2006 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa; - Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn.	
12.	Đăng ký kiểm tra Nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu.	- Ngay tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ: Lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và vào sổ đăng ký - 05 ngày làm việc: Bổ sung hồ sơ. - 03 ngày làm việc: Ra thông báo về việc kiểm tra sau khi hồ sơ hợp lệ - 10 ngày làm việc: Hoàn thành việc kiểm tra và ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về đo lường	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định	- Luật Đo lường năm 2011. - Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường; - Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17/12/2013 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định kiểm tra nhà nước về đo lường.	
13.	Cấp mới Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất oxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện	- 05 ngày làm việc: Tiến hành thẩm xét hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu quy định: Sau 30 ngày không bổ sung hồ sơ: Có văn bản thông báo từ chối cấp Giấy phép + Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Cấp Giấy phép	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định	- Luật Hóa chất ngày 21/11/2007; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa; - Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chi chú
	giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	<p>+ Trường hợp phải thẩm định thực tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <i>Trường hợp tổ chức, cá nhân không phải thực hiện hành động khắc phục để hoàn thiện hồ sơ</i>, trong 02 ngày làm việc kể từ ngày có Biên bản thẩm định: Cấp Giấy phép cho tổ chức, cá nhân.</li> <li>• <i>Trường hợp tổ chức, cá nhân phải thực hiện hành động khắc phục</i>, thời hạn khắc phục không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày có Biên bản thẩm định thực tế. Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của TCCN: Tổ chức thẩm định bổ sung kết quả hành động khắc phục.</li> </ul> <p>Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định bổ sung: Cấp hoặc từ chối cấp Giấy phép</p>			<p>09/10/2017 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;</p> <p>- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;</p> <p>- Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt;</p> <p>- Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09/6/2016 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất oxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.</p> <p>- Thông tư số 09/2018/TT-BKHCN ngày 01/7/2018 của Bộ KH&amp;CN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN.</p>	
14.	Cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất oxy	<p>- 05 ngày làm việc: Tiến hành thẩm xét hồ sơ;</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu quy định: Sau 30</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định	<p>- Luật Hóa chất ngày 21/11/2007;</p> <p>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007;</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	<p>ngày không bổ sung hồ sơ: Có văn bản thông báo từ chối cấp Giấy phép</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Cấp Giấy phép</p> <p>+ Trường hợp phải thẩm định thực tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li><i>Trường hợp tổ chức, cá nhân không phải thực hiện hành động khắc phục để hoàn thiện hồ sơ, trong 02 ngày làm việc kể từ ngày có Biên bản thẩm định: Cấp Giấy phép cho tổ chức, cá nhân.</i></li> <li><i>Trường hợp tổ chức, cá nhân phải thực hiện hành động khắc phục, thời hạn khắc phục không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày có Biên bản thẩm định thực tế. Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của TCCN: Tổ chức thẩm định bổ sung kết quả hành động khắc phục.</i></li> </ul> <p>Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định bổ sung: Cấp hoặc từ chối cấp Giấy phép</p>			<p>- Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa;</p> <p>- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;</p> <p>- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;</p> <p>- Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt;</p> <p>- Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09/6/2016 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.</p> <p>- Thông tư số 09/2018/TT-BKHCN ngày 01/7/2018 của Bộ KH&amp;CN sửa</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chỉ chú
					đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN.	
15.	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.	<p>- 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ: Thẩm xét hồ sơ:</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu quy định: Sau 30 ngày kể từ ngày có thông báo bổ sung hồ sơ nhưng không bổ sung hồ sơ theo quy định, có văn bản từ chối cấp Giấy phép và nêu rõ lý do</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Cấp Giấy phép cho tổ chức, cá nhân.</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định	<p>- Luật Hóa chất ngày 21/11/2007;</p> <p>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007;</p> <p>- Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa;</p> <p>- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;</p> <p>- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;</p> <p>- Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt;</p> <p>- Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09/6/2016 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít</p>	



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Chí chú
					<p>hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.</p> <p>- Thông tư số 09/2018/TT-BKHCN ngày 01/7/2018 của Bộ KH&amp;CN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN</p>	
16.	Cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân	<p>15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: tiến hành thẩm xét hồ sơ, nếu đáp ứng điều kiện quy định, cấp Giấy xác nhận.</p> <p>Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu quy định: Thông báo lý do bằng văn bản.</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<p>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21/11/2007.</p> <p>- Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005.</p> <p>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng</p> <p>- Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của TTCP về việc ban hành Quy chế quản lý tổ chức xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 06/2009/TT-BKHCN ngày 03/4/2009 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN hướng dẫn về điều kiện, thủ tục xét tặng giải thưởng chất lượng</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân.	
17.	Miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị: Yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có)</li> <li>- 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ: Có văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định hiện hành của pháp luật về phí, lệ phí.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;</li> <li>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;</li> <li>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP</li> <li>- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ KH&amp;CN và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.</li> </ul>	